

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **27/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 05-3-2021
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Long và bà Nguyễn Thị Bận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 722/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/02/2021, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Duy Ngh - Sinh năm 1984 (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trịnh Xuân Tr - Sinh năm 1979 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Số X đường Nguyễn Hữu Th, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Nguyên đơn - Bà Lê Thị Duy Ngh trình bày:**

Bà Lê Thị Duy Ngh và ông Trịnh Xuân Tr tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23 tháng 5 năm 2008. Quá trình chung sống vợ chồng bà Ngh, ông Tr sống hạnh phúc đến năm 2011 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Tr thường xuyên ghen tuông, không chia sẻ công việc và kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Nay bà Ngh xác định là vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ

chồng đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện vụ án hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Ngh ly hôn ông Tr.

Về con chung: Vợ chồng bà Ngh, ông Tr có 02 con chung là Trịnh Lê Ng, sinh ngày 19/5/2009 và Trịnh Lê Kh, sinh ngày 14/3/2016. Bà Lê Thị Duy Ngh có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Trịnh Lê Ng và Trịnh Lê Kh.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Ngh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn - Ông Trịnh Xuân Tr trình bày:**

Ông Trịnh Xuân Tr và bà Lê Thị Duy Ngh tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23 tháng 5 năm 2008. Quá trình chung sống đến năm 2020 thì bà Ngh, ông Tr xảy ra một số hiểu lầm đáng tiếc, mâu thuẫn xảy ra do nhiều nguyên nhân khác nhau. Nay bà Ngh nhất quyết ly hôn thì ông Tr đồng ý.

Về con chung: Bà Ngh, ông Tr có 02 con chung là Trịnh Lê Ng, sinh ngày 19/5/2009 và Trịnh Lê Kh, sinh ngày 14/3/2016. Ông Tr đồng ý giao con chung là Trịnh Lê Ng, sinh ngày 19/5/2009 cho bà Ngh trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên và có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Lê Kh, sinh ngày 14/3/2016 cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản hòa giải ngày 13/01/2021, bà Lê Thị Duy Ngh và ông Trịnh Xuân Tr đã tự nguyện thỏa thuận và thống nhất: Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngh và ông Tr thuận tình ly hôn; Về con chung: Bà Lê Thị Duy Ngh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trịnh Lê Ng, ông Trịnh Xuân Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Trịnh Lê Kh. Tuy nhiên, đến ngày 14/01/2021 bà Lê Thị Duy Ngh có đơn xin thay đổi nội dung hòa giải, bà Ngh không đồng ý giao con chung là Trịnh Lê Kh cho ông Trịnh Xuân Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng mà có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung đến tuổi thành niên.

Tại phiên tòa, bà Ngh giữ nguyên ý kiến được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Ng và cháu Kh đến tuổi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng; Ông Tr có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung nhưng nếu bà Ngh không đồng ý thì ông Tr mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kh cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ hồ sơ vụ án, nội dung khởi kiện của nguyên đơn - bà Lê Thị Duy Ngh là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị Duy Ngh và ông Trịnh Xuân Tr chung sống và kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23 tháng 5 năm 2008, là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống hôn nhân giữa bà Ngh và ông Tr có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Bà Ngh xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Tr nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trịnh Xuân Tr.

Tại biên bản hòa giải 13/01/2021, bà Ngh và ông Tr đã thỏa thuận và thống nhất: Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngh và ông Tr thuận tình ly hôn; Tại phiên tòa, bà Ngh và ông Tr không có ý kiến thay đổi gì. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc thỏa thuận của các đương sự bà Ngh và ông Tr thuận tình ly hôn là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Duy Ngh và ông Trịnh Xuân Tr.

[2.2] *Về con chung*: Vợ chồng bà Ngh, ông Tr có 02 con chung là Trịnh Lê Ng, sinh ngày 19/5/2009 và Trịnh Lê Kh, sinh ngày 14/3/2016.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Lê Thị Duy Ngh và ông Trịnh Xuân Tr đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và đều có đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho các cháu phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần. Quá trình giải quyết vụ án, bà Ngh và ông Tr cũng đã từng tự nguyện thỏa thuận và thống nhất: Bà Ngh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Ng, ông Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Kh (biên bản hòa giải ngày 13/01/2021 nhưng sau đó bà Ngh thay đổi nội dung hòa giải). Việc giao con chung là cháu Ng cho bà Ngh và cháu Kh cho ông Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vừa đảm bảo được nguyện vọng chính đáng của cả ông Tr và bà Ngh, vừa phù hợp với đạo đức và phù hợp với quy định của pháp luật về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ theo Điều 58, khoản 2 Điều 69, khoản 1 Điều 71, Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, HĐXX cần chấp nhận nguyện vọng của ông Tr và một phần yêu cầu của bà Ngh: Giao con chung là Trịnh Lê Ng, sinh ngày 19/5/2009 cho bà Lê Thị Duy Ngh trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên; Giao con chung là Trịnh Lê Kh, sinh ngày 14/3/2016 cho ông Trịnh Xuân Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí:

Bà Lê Thị Duy Ngh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- *Áp dụng:* Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà Lê Thị Duy Ngh về ly hôn, nuôi con chung;

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị Duy Ngh và ông Trịnh Xuân Tr;

2. *Về con chung:*

2.1. Giao con chung là Trịnh Lê Ng, sinh ngày 19/5/2009 cho bà Lê Thị Duy Ngh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi);

Ông Trịnh Xuân Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trịnh Lê Ng mà không ai được cản trở.

2.2. Giao con chung là Trịnh Lê Kh, sinh ngày 14/3/2016 cho ông Trịnh Xuân Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi);

Bà Lê Thị Duy Ngh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trịnh Lê Kh mà không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

3. *Về tài sản chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

5. *Về án phí*: Bà Lê Thị Duy Ngh phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0012861 ngày 15 tháng 9 năm 2020.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP.BMT;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THA DS BMT;
- UBND xã Hòa Thuận, Tp. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Vũ Văn Đức